

GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA ĐÌNH BẢNG MÔN

MAI PHƯƠNG NGỌC *

Tóm tắt: Bài viết đã đi sâu nghiên cứu, làm sáng rõ một số giá trị văn hóa của đình Bảng Môn trên các phương diện thần tích, giá trị kiến trúc và nét độc đáo trong sinh hoạt văn hóa tại đình thời trung đại.

Từ khóa: Đình làng; đình Bảng Môn; thần tích.

Đã thành một đặc trưng, khi nhắc đến làng quê Việt Nam truyền thống, người ta luôn liên tưởng đến hình ảnh “*cây đa, bến nước, sân đình*”. Trong đó, ngôi đình làng bao giờ cũng được xây dựng bề thế, tôn nghiêm, ở vị trí cao ráo nhất trong làng. Trong tâm thức người Việt, đình làng là chốn linh thiêng. Thành hoàng được thờ tại đình là đáng bảo trợ cho cuộc sống dân làng và ảnh hưởng đến đời sống của từng cá nhân trong cộng đồng làng xã:

“Toét mắt là tại hướng đình

Cả làng toét mắt chú mình em đâu”

(Ca dao)

Đình làng cũng là nơi dân làng hội họp để giải quyết việc làng, việc nước, nơi diễn ra các lễ hội của làng. Bởi vậy, đình làng là nơi linh thiêng song rất gần gũi, gắn bó với đời sống của những người dân làng xã.

Ở Thanh Hóa, nét đặc trưng của đình làng là không gian kiến trúc rộng lớn, có cấu trúc khỏe khoắn song giản dị hơn đình làng ở các tỉnh miền Bắc. Hơn nữa, yếu tố văn hóa Nho giáo được biểu hiện rõ nét trong tất cả sự bài trí và chạm khắc⁽¹⁾. Trong nét chung ấy, đình Bảng Môn của xã Hoàng Lộc (huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa) là một ngôi đình có nhiều giá

trị đặc sắc và độc đáo. Không chỉ được đánh giá là ngôi đình lâu đời, có kiến trúc đẹp trong các đình làng của xứ Thanh mà còn mang ý nghĩa biểu trưng cho sự học của làng xã - nơi đây là “*cửa dẫn vào khoa bảng*”, linh thiêng và cao quý.

Hoàng Lộc là một vùng quê nổi tiếng của xứ Thanh, nơi đây đã được ngợi ca trong những câu phương ngôn như: “*Đông Sơn tứ Bôn, Hoàng Hóa lưỡng Bội*” để chỉ các vùng đất học nổi tiếng của xứ Thanh. Qua các kỳ Khoa cử thời phong kiến, Hoàng Hóa có 48 người đỗ đại khoa thì Hoàng Lộc có 12 người, hàng trăm hương cống - cử nhân, sinh đồ - tú tài là những minh chứng về một vùng đất khoa bảng, hiếu học.

Xã Hoàng Lộc vốn có tên là Kẻ Vụt, rồi trở thành Bội Đà trang vào thế kỉ X. Thời trung đại, mảnh đất này được chia làm hai xã: Bội Thượng, Bội Thái, có khi được đổi thành Hoàng Đạo, Bội Thái hay Hoàng Nghĩa, Bội Hưng. Mặc dù danh

^(*) ThS Sử học, Giảng viên Khoa Lịch sử, Trường Đại học Vinh; NCS Khoa Sử học, Học viện Khoa học xã hội.

⁽¹⁾ Xem thêm Lê Văn Tạo, Hà Đình Hùng, *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, 2008, tr 157- 158.

ngĩa là hai xã trong hệ thống hành chính nhà nước, nhưng trên thực tế, đây vẫn là mảnh đất với cộng đồng cư dân thống nhất, thường được gọi với cái tên thân thuộc: Hoàng Bột hay Lưỡng Bột, Nhị Bột. Một trong những minh chứng rõ nét của điều này chính là việc cả hai làng đều thờ chung thành hoàng tại đình Bảng Môn.

1. Thần tích thành hoàng đình Bảng Môn

Hiện nay ở đình Bảng Môn còn lưu lại 24 bản sắc phong qua các triều đại, xin trích dịch một sắc như sau: “Sắc cho bốn vị thần:

Khang gia Huệ Cát Tinh trấn Tú nưng Quan Sơn Hiến ứng

Hiển diệu Diên hi Công chính Thuần chính Thiên Quan Chiêu ứng

Trang thành Trực Lượng Quảng phù Đôn nưng Phụng tuyên Hoàng tín

Bác lợi Phong Tài Dụ Phúc Thuần chính Thiên Quan thị Phù hựu

Từ trước tới nay đã có công giúp nước hộ dân nghiệm thấy linh ứng, gặp các kỳ tiết lễ ban cấp sắc phong, ban thêm cho mỹ tự: Đặc bảo Trung hưng. Đặc biệt cho phép hai xã Bột Hưng và Hoàng Nghĩa huyện Hoàng Hóa phụng thờ thần. Nay vâng theo sắc”.

Ban ngày 01 tháng 7 niên hiệu Đông Khánh thứ 2⁽²⁾.

Tại nhà thờ họ Bùi cũng còn lưu lại một số sắc phong cho Bùi Khắc Nhất, xin trích dịch: “Sắc cho xã Bột Hưng, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa phụng thờ bậc tôn thân là Bùi Khắc Nhất, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ, đệ nhị danh khoa Ất Sửu triều Lê Anh Tông, đã có công giúp nước hộ dân nghiệm thấy linh ứng, được gia

tặng thêm Quang ý Dực Bảo Trung hưng Trung đẳng thần.

Ban ngày 18 tháng 3 niên hiệu Khải Định thứ 2⁽³⁾.

Bằng các sắc phong còn lưu giữ, có thể khẳng định, từ xưa hai làng Bột đã thờ Nguyễn Tuyên, 3 vị nhiên thần (ở các miếu Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam) và một nhân vật nữa là Thượng thư Quận công Bùi Khắc Nhất (phối thờ, được thờ chính tại miếu Đệ Ngũ, tức Từ đường họ Bùi) làm thành hoàng làng.

Thần tích của thành hoàng Nguyễn Tuyên được ghi trong Ngọc phả, do quan Hàn lâm viện đồng các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn, niên hiệu Hồng Phúc nguyên niên (1572)⁽⁴⁾.

Tại Bảng Môn Đình hiện còn đôi câu đối ca ngợi sự nghiệp của Thành hoàng Nguyễn Tuyên:

萬古儼若臨瞻者起敬

“Vạn cổ nghiêm như chiêm giả khởi kính,

四祀享其報禮往不虛

Tứ tự hưởng kỳ báo, lễ vãng bất kiên”.

Dịch:

Nghìn đời lẫm liệt thay, dân tình chiêm ngưỡng,

Bốn mùa hương thơm ngát, lễ kính tâm thành.

Điều hết sức quan trọng là, bên cạnh những nội dung về hành trạng thành hoàng Nguyễn Tuyên, bản thần tích còn cho biết nhiều thông tin về mảnh đất

⁽²⁾ Bản sắc phong bằng chữ Hán lưu tại đình Bảng Môn, xã Hoàng Lộc.

⁽³⁾ Bản sắc phong bằng chữ Hán lưu tại Từ đường họ Bùi, xã Hoàng Lộc.

⁽⁴⁾ Bản thần tích bằng chữ Hán hiện còn lưu tại Đình Bảng Môn xã Hoàng Lộc.

Hoàng Lộc. Thần tích là văn bản đầu tiên nhắc đến cái tên chính thức của Hoàng Lộc trong giai đoạn lịch sử này: trang Đường Bột. Theo miêu tả của Thần tích, có thể hình dung Đường Bột trang là mảnh đất có địa thế: khang trang, rộng rãi, nằm trên con đường thiên lí Bắc Nam.

Về kinh tế, thông qua thần tích, có thể thấy vào thế kỉ XI, làng Hoàng Bột xưa đã có một trung tâm buôn bán: chợ Thiên Quan. Việc nhà vua lựa chọn đóng quân ngay tại chợ cho thấy nơi đây là vị trí trung tâm của làng, có địa thế bằng phẳng, cao ráo và rộng rãi. Những miêu tả trong thần tích cũng cho phép chúng ta hình dung sinh hoạt kinh tế tấp nập nơi đây.

Thành hoàng Nguyễn Tuyên là người được thờ chính tại đình Bảng Môn. Bên cạnh đó, trong gian thứ hai của hậu cung đình Bảng Môn còn phối thờ Bùi Khắc Nhất⁽⁵⁾.

Với những công lao và đóng góp to lớn đó, ngay từ khi ông còn sống, năm 1593, làng Hoàng Bột đã bầu ông làm quan tôn trưởng⁽⁶⁾ và bàn việc về sau sẽ phối thờ tại đình. Năm 1609, sau khi mất, ông được làng tôn thờ là phúc thần, đến triều Cảnh Hưng (1740-1786) sắc phong cho ông là: *“Thượng đẳng phúc thần Tụy dụ Hùng lược Đại vương”*, được tôn làm thành hoàng bên cạnh Đương cảnh thành hoàng Nguyễn Tuyên.

Về thành hoàng Nguyễn Tuyên và Bùi Khắc Nhất, trong *“Thanh Hóa chư thần lục”* không chép cụ thể hành trạng, chỉ ghi hai lần về các vị được thờ ở Hoàng Nghĩa và Bột Hưng: *“Hoàng Nghĩa xã, Bột Hưng xã phụng tự”*, gồm có: Thiên quan chiếu ứng tôn thần, thiên quan tung tôn thần:

túc ba nhiên thần được kể trong việc giúp vua Lý bình Chiêm và Phụng Tuyên Hoàng tín tôn thần: túc thành hoàng Nguyễn Tuyên.

2. Những giá trị đặc sắc trong kiến trúc đình Bảng Môn

Từ thần tích, có thể thấy đình Bảng Môn là một kiến trúc theo lối “Thượng sàng hạ mộ” (ngôi miếu Đệ Tứ được xây dựng trên chính nơi Nguyễn Tuyên hóa, mối ùn lên thành mộ). Dấu tích vật chất cũng cho thấy ở Hậu cung Bảng Môn Đình còn có ngôi mộ đá nằm dưới nền đất.

Theo truyền thuyết, ngôi đình có từ thế kỷ XV, ban đầu chỉ là một kiến trúc giản đơn trên cơ sở miếu Đệ Tứ. Qui mô ban đầu của đình tương đối nhỏ bé, ba gian đơn sơ, mái được lợp bằng lá⁽⁷⁾. Khi Bột Thượng, Bột Thái có nhiều người đỗ đạt, đình Bảng

⁽⁵⁾ Bùi Khắc Nhất sinh năm Quý Tỵ (1533) tại xã Bột Thái, trong một gia đình nhà Nho. Thân sinh là Bùi Doãn Hiệp, từng là Giám sinh Quốc Tử giám, làm nghề dạy học, mẹ là bà Nguyễn Thị Xuy, mất sớm. Năm Giáp Tý (1564), Bùi Khắc Nhất đỗ Hương cống. Năm Ất Sửu, (1565), Bùi Khắc Nhất đỗ Đệ nhất giáp Chế khoa xuất thân Đệ nhị danh (tức Bảng nhãn) và bắt đầu theo nghiệp quan trường. Bốn mươi tư năm làm quan, trải ba triều vua: Lê Anh tông (1557 - 1573), Lê Thế Tông (1573 - 1599), Lê Kính tông (1600 - 1619), kinh qua 6 bộ: Bộ Lại (Lại khoa Đô cấp sự trung), Bộ Lễ (Giám thí các kỳ thi), Bộ Công (Tả thị lang), Bộ Hình (Tả thị lang), Bộ Hộ (Thượng thư), Bộ Binh (Thượng thư), mất năm 77 tuổi. Bùi Khắc Nhất đã đóng góp công lao to lớn về nhiều mặt vào thắng lợi của nhà Lê trung hưng, đưa đất nước thoát khỏi cuộc chiến tranh kéo dài, thoát khỏi cảnh chia cắt, tạo lập hòa bình, thống nhất quốc gia.

⁽⁶⁾ Nếu người nào đậu tiến sĩ làm quan không phạm tội thì 60 tuổi xã bầu làm quan tôn trưởng, đậu cử nhân làm quan không vướng tội thì được bầu làm quan tôn quý. Tôn trưởng ngồi chiếu trên cùng, tôn quý ngồi chiếu thứ hai của gian giữa ở đình Bảng Môn. Tư liệu dẫn theo gia phả họ Bùi, bản chữ Hán lưu tại nhà thờ họ ở xã Hoàng Lộc.

⁽⁷⁾ *Lược sử Bảng Môn Đình*, tài liệu lưu tại xã Hoàng Lộc.

Môn được sửa chữa, tôn tạo để vừa đảm bảo chức năng tín ngưỡng lại vừa đảm trách một yêu cầu thể tục mới (chốn tôn vinh sự học và các vị đỗ đạt trong khoa cử của làng). Tuy vậy, sự tồn tại của đình Bảng Môn trong thời gian này vẫn chỉ là truyền thuyết dân gian. Tư liệu sớm nhất nhắc đến đình làng chính là bản gia phả họ Bùi ghi lại sự kiện dân làng đồng ý phối thờ Bùi Khắc Nhất tại đình vào năm 1593.

Gia phả họ Nguyễn hiện còn lưu tại xã Hoàng Lộc cho thấy đình Bảng Môn được tu sửa khang trang hơn vào năm 1750, quan án sứ xứ Nghệ An là Nguyễn Điền⁽⁸⁾ khi về trí sĩ tại làng đã đứng ra chủ trì việc tu sửa đình. Ông mua gỗ lim từ Nghệ An chuyển về, kêu gọi những người làng đóng góp tiền tài, công sức tôn tạo lại đình khang trang hơn⁽⁹⁾.

Quần thể kiến trúc còn lại đến nay bao gồm 2 dãy nhà: toà Tiền đường nằm phía ngoài và toà Hậu cung nằm dọc phía bên trong, tạo thành bố cục hình chữ Đinh.

Theo đánh giá, đình Bảng Môn không chỉ là một ngôi đình làng thuần túy mà còn là một bảo tàng nghệ thuật kiến trúc gỗ còn lại gần như duy nhất đại diện cho di sản kiến trúc gỗ cuối thế kỉ XVI trên đất Thanh Hoá. Ở đây, nhiều lớp nghệ thuật kiến trúc chồng xếp: từ lớp kiến trúc thế kỷ XVI và XVII (tại nội thất nhà Hậu cung) đến lớp kiến trúc thế kỷ thứ XIX-XX (tại nhà tiền đường).

Kiến trúc nhà tiền đường

Trên thượng lương tiền đường có ghi “*Bảo Đại bát niên tuế thứ quý dậu tam nguyệt cát nhật trọng tu đại cát vương*”, nghĩa là công trình này được trùng tu vào

năm Bảo Đại thứ 8 (1933). Bởi vậy, những đặc trưng kiến trúc thời Nguyễn được lưu lại một cách đậm nét.

Tiền đường: dài 15.42m, rộng 8.4m, cấu trúc gồm 5 gian, 4 hàng chân cột, mặt trước đình để trống không có cửa ra vào. Các vì kèo cao 5m41 được cấu trúc theo kiểu “thượng rường hạ kẻ”, đơn giản mà chắc chắn⁽¹⁰⁾. Tiền đường của đình Bảng Môn là một kiến trúc bề thế, đề cao sự khỏe khoắn, thô mộc hơn là những chạm khắc tinh tế, phức tạp. Điều này cũng nằm trong đặc trưng chung của đình làng xứ Thanh.

Kiến trúc nhà Hậu cung

Kiến trúc hậu cung có niên đại sớm hơn tiền đường, dù qua nhiều giai đoạn trùng tu, song vẫn giữ được hình nét cơ bản của kiến trúc giai đoạn trước. Dấu vết trùng tu gần đây ghi trên thượng lương: “*Khải Định Mậu Ngọ niên cửu nguyệt thất nhật trọng tu đại cát*” cho thấy Hậu cung được tu sửa vào năm Mậu Ngọ niên hiệu Khải Định (1918).

Nhà Hậu cung gồm một nhà ống muống còn khá nguyên trạng. Quy mô Hậu cung nhỏ, dài 10m40, rộng 3m29, cao 3m20, gồm 3 gian. Điểm đặc sắc của hậu cung là tuy không chú ý nhiều đến liên kết, kết cấu nhưng là một tác phẩm mỹ thuật với nhiều mảng điêu khắc đẹp. Cả 3 bộ vì Hậu

⁽⁸⁾ Nguyễn Điền (đầu thế kỉ XVIII): đỗ Hương cống khoa Canh Tý, niên hiệu Bảo Thái 1 (1720), từng làm quan đến chức Hiến sát sứ xứ Nghệ An. Tương truyền, ông đã từng được tham gia đoàn sứ thần nước ta sang Trung Quốc thời nhà Thanh (thời Ung Chính hoặc đầu thời Càn Long).

⁽⁹⁾ Theo *Gia phả họ Nguyễn*, lưu tại xã Hoàng Lộc (Hoàng Hóa, Thanh Hóa).

⁽¹⁰⁾ Ninh Viết Giao (chủ biên), *Địa chí văn hóa Hoàng Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.465.

cung đều được phủ kín bằng chạm khắc với 3 hệ thống chạm trở được đánh giá là những hiện vật mỹ thuật hiếm thấy ở các đình làng xứ Thanh.

Dựa theo phong cách có thể chia các bức chạm ở hậu cung làm hai loại, loại thứ nhất gồm tất cả các mảng chạm khắc của hai vì nóc (phía trong), loại thứ hai là các chạm khắc ở vì nóc ngoài cùng (cửa ra vào hậu cung).

Các thành phần kiến trúc của hai vì nóc trong được chạm khắc với nhiều đồ án khác nhau. Đề tài các mảng chạm ở đây chủ yếu vẫn là tứ linh “*Long, ly, quy, phượng*” quen thuộc, trong đó đề tài “*long*” được chú ý đề cập nhiều nhất. Ở đây, rồng được chạm khắc có cả rồng đơn và rồng đôi. Rồng đơn khi thì được chạm trở với các đường nét uốn khúc quanh co, với các đao lửa bay tua tủa ngược lên, khi thì được gò trong một bố cục vuông của một cái dậu, thân rồng cuộn thành một vòng tròn rồi sau đó rồng quay đầu ngoặt ra nhìn trực diện theo kiểu hổ phù, ngạo nghễ và oai vệ. Rồng đôi khi thì quấn quýt với nhau, mình nhỏ thon uốn lượn thắt túi nhiều vòng để tạo nên hình chữ “*Phúc*”, chữ “*Lộc*”, khi thì dang rộng uốn lượn nhiều vòng, lưng võng kiểu “*yên ngựa*”, cả hai đang chăm chú hướng châu mặt trời ở giữa, khi thì được thể hiện theo kiểu “*tiên cưỡi rồng*”.

Ngoài đề tài về các con vật trong tứ quý, còn thấy đề tài về con hươu. Đây cũng là loại đề tài đã gặp khá nhiều trên các chạm khắc thế kỷ XVI như từng thấy trong đình Lỗ Hạnh, Thổ Hà (Bắc Giang), Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội)... Đồ án hươu ở đây được mô tả là loại hươu chân cao, cổ dài, có sừng

và đuôi cụt. Một hươu đang thể hiện phía sau đuôi rồng trong động tác chạy, quay đầu lại. Còn một hươu khác, được bố cục trong ô vuông, với tư thế đứng quay đầu về sau, miệng ngậm cành hoa cúc.

Theo các tác giả *Địa chí Hoàng Hóa*, qua phong cách chạm khắc, qua nội dung đề tài, các mảng chạm ở đây là kết quả của một lần xây dựng đình vào tận cuối thế kỉ XVI⁽¹¹⁾.

Loại thứ hai là các mảng chạm ở vì nóc ngoài, nơi tiếp giáp với tòa tiền đường. Tại đây được các nghệ nhân xưa phủ đầy bằng các nét chạm khắc trên các thành phần kiến trúc. Nội dung đề tài phong phú, đa dạng: người, linh vật, linh thú, vân xoắn, đao mác, hoa lá, trong đó, đặc biệt vẫn là sự vượt trội của đề tài rồng, với đủ các loại rồng to, rồng nhỏ quay quần châu vào một mặt trời ở giữa.

Về kỹ thuật chạm khắc, những nét chạm khắc ở đình Bảng Môn cho thấy tài năng của người thợ Hoàng Lộc nói riêng và Hoàng Hóa nói chung. Kỹ thuật chạm ở các mảng vì nóc ngoài khác hẳn những phần phác. Tính chi tiết bớt được chú trọng, song các mảng khối của bố cục lại được coi trọng. Lối chạm lộng được sử dụng đến mức điêu luyện. Điều quan trọng là, đề tài và kỹ thuật của các mảng chạm này rất gần gũi với các mảng trên các đình làng được xây dựng vào cuối thế kỉ XVII. Như vậy, các bức chạm này đã cho thấy vào cuối thế kỉ XVII đình Bảng Môn đã tiếp tục được đại tu thêm một lần nữa⁽¹²⁾.

⁽¹¹⁾ Xem thêm: Ninh Viết Giao (chủ biên), *Địa chí văn hóa Hoàng Hóa*, Sđd, tr.465 - 469.

⁽¹²⁾ Xem thêm: Ninh Viết Giao (chủ biên), *Địa chí văn hóa Hoàng Hóa*, Sđd, tr.469 - 471.

Từ những dấu tích vật chất còn để lại, có thể thấy, đình Bảng Môn là một trong số ít những đình làng còn lại đến nay của cả nước có tuổi đời ít nhất từ cuối thế kỉ XVI. Hơn nữa, nghệ thuật kiến trúc của đình Bảng Môn cũng cho chúng ta thêm một minh chứng về sự phát triển của “nghề thợ” ở Hoàng Lộc dưới thời trung đại.

3. Những nét độc đáo trong sinh hoạt văn hóa tại đình Bảng Môn

Đình làng là nơi dân làng hội họp, bàn bạc và quyết định các vấn đề quan trọng của làng xã, nơi tổ chức các lễ hội, sinh hoạt cộng đồng. Đình Bảng Môn xưa, ngoài chức năng thờ thành hoàng thì sinh hoạt tại đình chủ yếu gắn liền với hoạt động của Hội tư văn⁽¹³⁾. Đình Bảng Môn là nơi hội tụ nho sinh trong làng, nơi dành cho các nghi lễ liên quan đến việc đề cao sự học. Như vậy, chỉ những chức sắc, những nam tử có học hành khoa cử mới được họp với “Làng văn” tại đình Bảng Môn. Còn lại, những trai đình từ 18 tuổi không theo đuổi bút nghiên thì phải họp vào mừng 2 tết tại điểm “Làng hộ” để quyết định các công việc liên quan đến nghĩa vụ phu phen tạp dịch của mình. Đây là điểm độc đáo của đình Bảng Môn tại xã Hoàng Lộc.

Ngay từ tên gọi đã phản ánh điểm khác biệt này, đình của làng nhưng không đặt tên theo địa danh mà được đặt theo nội dung thờ tự (Bảng Môn: *cửa dẫn vào bảng Vàng, khoa bảng*). Như vậy, trên miền Bắc và miền Trung có hai ngôi đình mang tên đình Bảng, thế nhưng hai tên gọi này phản ánh hai điểm khác nhau: nếu Đình Bảng ở Từ Sơn (Bắc Ninh) là ngôi đình lớn, được đặt theo tên gọi của làng xã

(làng Đình Bảng) thì Bảng Môn Đình lại là cái tên mang ý nghĩa khuyến khích sự học của làng.

Ở Hoàng Bột, hội làng được tổ chức hàng năm để tế Kỳ phúc vào các ngày từ mồng một đến mồng sáu tháng Giêng, mồng tám đại tế. Tục tế thành hoàng do “Làng văn” đảm nhiệm. Ngày mừng một Tết, văn thân trong làng làm lễ tế trời, đất sau đó làm lễ tế thành hoàng Nguyễn Tuyên. Trong khi làng mở hội tế lễ ở Đình đụn⁽¹⁴⁾, thì ở Bảng Môn Đình, Hội tư văn tổ chức dâng đọc Ngọc phả và khen thưởng những bà vợ nuôi chồng ăn học thành tài, khuyến khích con em “sôi kinh nấu sủ”, nhắc nhở những người cử xử trái với luân thường đạo lý, trái với nho phong. Nghi lễ này thường được gọi là “Đàm đạo”. Nghi thức thường niên này chỉ diễn ra ở đình làng, một lần trong năm. Một nét độc đáo trong nghi thức “Đàm đạo” là chỗ ngồi tại Bảng Môn Đình cũng tuân thủ triệt để nguyên tắc trên - dưới, trong - ngoài, cao - thấp rất rõ ràng, trong đó, ai đỗ cao hơn có cơ hội ngồi gần với hậu cung (gần thành hoàng) hơn.

- Hàng giữa trên nhất, trải chiếu cạp điều (có sách nói chiếu hoa) dành cho các học vị tiến sĩ.

⁽¹³⁾ Hội tư văn: nơi tập họp những người có học trong làng, đóng một khoản lệ phí nhất định thì được vào Hội. Hội tư văn được làng xã trọng vọng, được miễn tạp dịch. Trong gia phả họ Bùi có ghi lại sự kiện: *vào tháng 2 năm 1581, Bùi Khắc Nhất đã 49 tuổi, vẫn làm việc ở bộ Hình. Ông trông coi việc ngục không để oan khuất, thiên hạ ca ngợi (...). Hai làng Bột Thượng, Bột Thái theo phong tục Văn hội làm bức trướng đến mừng ông.* Như vậy, có thể khẳng định rằng Hội tư văn ở Hoàng Bột phải có từ trước năm 1581. Hội tư văn ở đây được gọi với cái tên đặc trưng hơn: “Làng văn”.

⁽¹⁴⁾ Đình đụn: Đình đóng bằng tranh tre luồng do dân làng dựng tại các bãi có hình tròn, rộng, đẹp (còn gọi là các áng).

- Hàng giữa tiếp sau, trái chiếu cặp xanh, dành cho các vị Cử nhân.

- Bên tả: trái chiếu trơn, dành cho các học vị Tú tài

- Bên hữu: trái chiếu trơn, dành cho các nho sinh chưa đỗ đạt.

- Cuối hàng giữa: trái chiếu trơn, dành cho các lý hương đương chức ngồi ghi chép những quyết định đã được bàn bạc.

Đến thời Tự Đức (1848 - 1883), các điều lệ trên đây có thay đổi: bất cứ ai là học trò hoặc thứ dân đi lính nếu có hàm từ lục phẩm trở lên cũng được ngồi chiếu giữa, trên lý trưởng⁽¹⁵⁾.

Các hàng chiếu xếp thứ bậc trên dưới, trong chiếu đều lấy tuổi thọ làm trọng. Cùng một học vị, ai cao tuổi hơn thì ngồi trên, ít tuổi ngồi dưới.

Cũng tại đình làng, mỗi khi có tân khoa đỗ đạt thì việc đón rước trở thành một lễ hội suy tôn Nho học đặc biệt, họ làm lễ tại đình trước khi yết bái ông cha. Như vậy ngôi đình Bảng Môn sớm có bóng dáng một trường làng cổ xưa của Việt Nam.

Trong những dịp chuẩn bị cho các kỳ thi lớn (thi hương, thi hội) đình làng là nơi tập trung của nho sinh Hoàng Bột, họ tụ họp ở đình với mục đích “ôn luyện” để mong đạt được kết quả cao. Ở đây, diễn ra những đợt “sát hạch” trước khi dự ứng thí ở trường thi. Nho sinh được thu nạp các kiến thức từ chương, diễn cú qua nghi thức “*binh văn, giảng tập*” do “Làng văn” đảm trách. Sĩ tử, nho sinh được trang bị cách thức thi, trả lời, viết, đối đáp theo chuẩn mực của thi cử truyền thống. Nghi thức này diễn ra ở đình làng là một điều khá thú vị, vì chỉ có văn từ, văn chỉ, trường thi, trường học, Quốc tử giám mới

thực hiện những hoạt động kiểu như vậy. Truyền thống học hành, mong muốn nối gót ông cha chiếm lĩnh bảng vàng của các thế hệ người Hoàng Bột đã khiến đình Bảng Môn trở thành trung tâm hội tụ nho sinh của làng. Phải chăng, chính vì lí do này mà có câu chuyện dân gian hết sức thú vị về văn chỉ huyện Hoàng Hóa được đặt ngay cạnh Bảng Môn Đình? Đó là: tương truyền rằng: Văn chỉ trước đây được đặt tại địa điểm thuộc xã Hoàng Lưu ngày nay, nhưng chỉ sau một đêm đã được các âm binh khiêng về đặt ngay sát cạnh đình Bảng Môn. Mặc dù hiện nay chỉ còn lại một nền cũ với một vài tấm bia được khắc lại, nhưng dấu vết cho thấy đây là Văn chỉ hàng huyện vào loại lớn ở Thanh Hoá. Văn chỉ là nơi để các bậc túc nho, các nhà khoa bảng, các kẻ sĩ thực hiện nghi lễ thờ phụng Khổng Tử và những người đỗ đạt của mỗi vùng đất. Văn chỉ hàng huyện được đặt cạnh đình Bảng Môn không chỉ cho thấy vai trò của vùng đất Hoàng Bột xưa mà còn cho thấy sức qui tụ, vị trí trung tâm của đình Bảng Môn đối với sự học của Hoàng Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Tạo, Hà Đình Hùng, *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, 2008.
2. Ninh Viết Giao (chủ biên), *Địa chí văn hóa Hoàng Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Khắc Việt, Nguyễn Đức Nhuệ, *Hoàng Lộc đất hiếu học*, Nxb. Thanh Hóa.

⁽¹⁵⁾ Bùi Khắc Việt, Nguyễn Đức Nhuệ, *Hoàng Lộc đất hiếu học*, Nxb. Thanh Hóa, 1996, tr.64.